

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

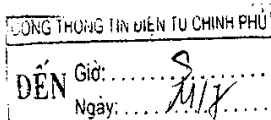
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32 /2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết hồ sơ, thủ tục
đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 123/TTr-SKHĐT ngày 22 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong giải quyết hồ sơ, thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ, thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục KTVB QPPL, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CB - TH (đăng công báo);
- Lưu: VT, TH.



Vương Bình Thạnh

QUY CHẾ

**Phối hợp trong giải quyết hồ sơ, thủ tục đầu tư
theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang).

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về phân công trách nhiệm, trình tự thủ tục và thời gian thực hiện thủ tục đầu tư triển khai dự án theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng của Quy chế này là các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan đến thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan chức năng); các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây gọi là nhà đầu tư).

3. Quy chế này không áp dụng đối với các dự án đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp; các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

4. Đối với các dự án thăm dò, khai thác khoáng sản: Thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông

1. Tuân thủ quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư bảo đảm:

a) Thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng, đúng pháp luật, không chồng chéo.
b) Công khai các thủ tục hành chính, mức thu phí, lệ phí, các giấy tờ, hồ sơ và thời gian giải quyết.

c) Giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện cho nhà đầu tư.

d) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước trong quá trình giải quyết thủ tục của nhà đầu tư.

3. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn áp dụng hoặc chọn một số thủ tục hoặc không áp dụng thực hiện liên thông các thủ tục hành chính.

4. Thực hiện chuyển tiếp:

Sau khi Trung tâm tiếp nhận và trả kết quả tỉnh thành lập, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 và Điểm a Khoản 1 Điều 4 (sau đây gọi tắt là Bộ phận “Một cửa liên thông”) sẽ chuyển về Trung tâm tiếp nhận và trả kết quả tỉnh thực hiện.

Điều 3. Trách nhiệm của cơ quan thực hiện liên thông các thủ tục hành chính

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết liên thông các thủ tục hành chính; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ thực hiện liên thông các thủ tục hành chính; lập và chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan.

2. Các cơ quan chức năng có liên quan chịu trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan mình.

Điều 4. Trình tự thực hiện liên thông các thủ tục hành chính

1. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận “Một cửa liên thông” đặt tại Sở Kế hoạch và Đầu tư theo địa chỉ: 03 Lê Triệu Kiết, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Email: sokhdt@angiang.gov.vn.

b) Bộ phận “Một cửa liên thông” viết phiếu biên nhận hồ sơ cho nhà đầu tư nếu hồ sơ hợp lệ; Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì nêu cụ thể những nội dung chưa hợp lệ và hướng dẫn nhà đầu tư bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Hình thức hướng dẫn phải bằng văn bản (phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ).

2. Các loại giấy tờ và yêu cầu về nội dung trong hồ sơ đối với từng thủ tục được các cơ quan chức năng hướng dẫn bằng văn bản, niêm yết công khai tại Bộ phận “Một cửa liên thông”, được đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang (địa chỉ: <http://angiang.gov.vn>) và Sở Kế hoạch và Đầu tư (<http://sokhdt.angiang.gov.vn>).

3. Bộ phận “Một cửa liên thông” xem xét từng hồ sơ, làm thủ tục trình phê duyệt hoặc chuyển hồ sơ đến các cơ quan có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền. Việc luân chuyển hồ sơ giữa Bộ phận “Một cửa liên thông” với các cơ quan chức năng có liên quan thực hiện như sau:

a) Toàn bộ hồ sơ được Bộ phận “Một cửa liên thông” gửi đến các cơ quan chức năng có liên quan qua thư điện tử; trường hợp số lượng lớn thì chuyển phát nhanh hồ sơ qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp.

b) Các văn bản của các cơ quan chức năng gửi đến Bộ phận “Một cửa liên thông” qua thư điện tử và cùng ngày đó phải gửi bản giấy theo đường bưu điện bằng phương thức chuyển phát nhanh hoặc gửi trực tiếp.

4. Các cơ quan liên quan đến giải quyết các thủ tục hành chính trong triển khai các dự án đầu tư tại Quy chế này có trách nhiệm cử Lãnh đạo và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ tham gia Tổ công tác liên ngành và làm đầu mối liên hệ với Bộ phận “Một cửa liên thông” trong quá trình giải quyết các thủ tục cho nhà đầu tư.

Tổ Công tác liên ngành do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận, trực tiếp xử lý các thủ tục hồ sơ thuộc trách nhiệm quản lý của ngành; đối với các thủ tục phức tạp, cán bộ tham gia Tổ công tác liên ngành có trách nhiệm chuyển hồ sơ về đơn vị để phối hợp xử lý, theo dõi và trả kết quả tại bộ phận “Một cửa liên thông”.

5. Khi tiếp nhận hồ sơ do Bộ phận “Một cửa liên thông” chuyển đến, các cơ quan liên quan có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết trong thời gian quy định; chịu trách nhiệm về các nội dung công việc do đơn vị giải quyết.

6. Nhà đầu tư nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết các thủ tục đầu tư theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này tại Bộ phận “Một cửa liên thông”. Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 5. Các thủ tục hành chính thực hiện liên thông

1. Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm:

a) Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, bao gồm.

a) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

b) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

c) Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

d) Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư).

đ) Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài; Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài.

4. Thủ tục ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

5. Thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

6. Thủ tục về môi trường liên quan đến dự án đầu tư, bao gồm:

a) Thủ tục phê duyệt đối với dự án thuộc diện lập báo cáo tác động môi trường.

b) Thủ tục xác nhận đối với dự án thuộc diện đăng ký cam kết môi trường.

7. Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy, cấp phép xây dựng công trình và đấu nối hệ thống cấp nước, thoát nước; tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp.

8. Thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 6. Trình tự giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông

1. Nhà đầu tư thực hiện thủ tục quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Nhà đầu tư thực hiện song song các thủ tục sau:

a) Thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Thủ tục về môi trường liên quan đến dự án đầu tư.

c) Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy, cấp phép xây dựng công trình và đấu nối hệ thống cấp nước, thoát nước; tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp.

3. Khi có giấy phép xây dựng và hoàn chỉnh các thủ tục theo yêu cầu trong giấy phép xây dựng, nhà đầu tư gửi thông báo khởi công xây dựng cho chính quyền địa phương và cơ quan cấp phép sau đó tiến hành khởi công xây dựng.

4. Sau khi công trình xây dựng hoàn thành, nhà đầu tư thực hiện đăng ký quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 7. Thời gian giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông

1. Thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên thông.

a) Trường hợp nhà đầu tư thực hiện song song các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này, thì tổng thời gian giải quyết thủ tục liên thông là **90 ngày**, không kể thời gian nhà đầu tư hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ, thủ tục.

b) Trường hợp nhà đầu tư thực hiện từng thủ tục được quy định tại Điều 5 của Quy chế này, thì thời gian giải quyết được quy định cụ thể cho từng thủ tục tại Chương II Quy chế này.

2. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này. Không tính thời gian giải quyết đối với dự án phải xin ý kiến của cơ quan cấp trên, các Bộ, Ngành Trung ương; thời gian nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung nội dung hồ sơ; thời gian nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định; ngày nghỉ Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ theo quy định.

Điều 8. Hồ sơ thực hiện liên thông các thủ tục hành chính

1. Hồ sơ thực hiện liên thông các thủ tục hành chính là các thành phần hồ sơ của từng thủ tục hành chính riêng lẻ thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ

quan chức năng theo quy định pháp luật (đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố).

2. Thành phần hồ sơ tại từng thủ tục hành chính thực hiện theo quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan có liên quan đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Chương II

QUY CHẾ PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐẦU TƯ TRIỂN KHAI DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Mục 1

Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư

Điều 9. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau:

a) Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Các trường hợp dự án không cần phải xin chủ trương đầu tư:

a) Dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tại khu công nghiệp, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt không phải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

b) Nhà đầu tư trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư theo quy định tương ứng tại văn bản quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và pháp luật có liên quan mà không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 10. Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư

1. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

2. Trình tự thực hiện:

a) Trong thời hạn **01** ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư hợp lệ. Bộ phận “Một cửa liên thông” gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan đến nội dung dự án đầu tư theo quy định.

b) Trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý bằng văn bản được quy định tại Mẫu I, Mẫu II, Mẫu III và Mẫu IV kèm theo Quy chế này và gửi về Bộ phận “Một cửa liên thông”.

c) Trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Bộ phận “Một cửa liên thông” lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Nội dung báo cáo thẩm định được quy định tại Mẫu V kèm theo Quy chế này.

d) Trong thời hạn **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án.

Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư

Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có), nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định sau:

1. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

2. Trình tự thực hiện:

a) Trong thời hạn **01 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án hợp lệ, Bộ phận “Một cửa liên thông” gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.

c) Trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ phận “Một cửa liên thông”, các cơ quan nhà nước có liên quan có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.

c) Trong thời hạn **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan. Bộ phận “Một cửa liên thông” lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Trong thời hạn **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ phận “Một cửa liên thông”, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư và gửi cho Bộ phận “Một cửa liên thông”.

Mục 2

Thủ tục cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Điều 12. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đăng ký đầu tư

1. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh chứng nhận đăng ký đầu tư là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

a) Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước.

b) Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ.

c) Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

d) Trường hợp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này, Nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính hoặc dự kiến đặt trụ sở chính hoặc văn phòng điều hành để thực hiện dự án đầu tư tiếp nhận, cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư sau đây:

a) Dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Dự án đầu tư thực hiện ở trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

Điều 13. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư:

a) Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

b) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn **01 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và văn bản Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh. Bộ phận “Một cửa liên thông” tham mưu Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

2. Đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư:

a) Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

b) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Bộ phận “Một cửa liên thông” tham mưu Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư và nêu rõ lý do.

Điều 14. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Khi có nhu cầu thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư:

a) Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư:

- Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Bộ phận “Một cửa liên thông” tham mưu Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

b) Trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có) và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có):

- Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Bộ phận “Một cửa liên thông” tham mưu Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

3. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư:

a) Nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn **01 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 3

Thủ tục thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần và phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài

Điều 15. Thủ tục thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

1. Nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế thực hiện theo thủ tục sau:

a) Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

b) Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản này, nhà đầu tư thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế để triển khai dự án đầu tư và các hoạt động kinh doanh.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập tổ chức kinh tế thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế. Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu nhà đầu tư nộp thêm bất kỳ loại giấy tờ nào khác ngoài hồ sơ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế; không xem xét lại nội dung đã được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Vốn điều lệ của tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện dự án đầu tư không nhất thiết phải bằng vốn đầu tư của dự án đầu tư. Tổ chức kinh tế thành lập theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này thực hiện góp vốn và huy động các nguồn vốn khác để thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 16. Thủ tục đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế

1. Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi thành viên, cổ đông tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế, trừ các trường hợp sau:

a) Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế kinh doanh ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

b) Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế trong các trường hợp: Tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài từ dưới 51% lên 51% trở lên và tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên trong tổ chức kinh tế.

3. Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều này thực hiện theo thủ tục sau:

a) Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

b) Trong thời hạn **15 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Bộ phận “Một cửa liên thông” tham mưu Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài và thông báo cho nhà đầu tư.

c) Sau khi nhận được thông báo theo quy định tại Điểm b Khoản này, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp thực hiện thủ tục thay đổi thành viên, cổ đông tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

4. Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp không phải thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư đã thực hiện trước thời điểm nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.

Điều 17. Cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư và thủ tục đăng ký doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài

1. Ngoài thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này, nhà đầu tư nước ngoài có quyền thực hiện các thủ tục này một đầu mối theo trình tự sau:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.

b) Trong thời hạn **01 ngày** làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ phận “Một cửa liên thông” gửi hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp cho Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Trong thời hạn **01 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo ý kiến cho Bộ phận “Một cửa liên thông”.

d) Trong trường hợp có yêu cầu điều chỉnh hoặc bổ sung hồ sơ đăng ký đầu tư hoặc hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, Bộ phận “Một cửa liên thông” thông báo 01 lần về toàn bộ nội dung không hợp lệ cho nhà đầu tư trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Căn cứ hồ sơ đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp đã tiếp nhận, phòng đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phối hợp với Bộ phận “Một cửa liên thông” xử lý hồ sơ và trả kết quả cho nhà đầu tư tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.

Mục 4

Thủ tục ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

Điều 18. Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư phải ký quỹ trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.

2. Việc ký quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư sau khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư thì thời điểm ký quỹ là thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 19. Trình tự thực hiện ký quỹ

1. Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày có quyết định chủ trương đầu tư, Bộ phận “Một cửa liên thông” tham mưu Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thỏa thuận với nhà đầu tư về việc ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án; đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thỏa thuận với nhà đầu tư về việc ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án trước khi thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất;

2. Căn cứ văn bản thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm nộp tiền ký quỹ vào tài khoản của cơ quan theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Quy chế này trong thời hạn tối đa **30 ngày** kể từ ngày có văn bản thỏa thuận, nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Sau khi hoàn thành việc nộp tiền ký quỹ, có chứng từ nộp tiền được ngân hàng ký nhận; Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai thực hiện các bước tiếp theo.

3. Đối với trường hợp nhà đầu tư đã tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư thì việc ký quỹ thực hiện như sau:

a) Trường hợp số tiền tạm ứng để giải phóng mặt bằng, tái định cư nhỏ hơn tiền ký quỹ, nhà đầu tư phải nộp tiền ký quỹ bằng số tiền chênh lệch giữa tiền ký quỹ và tiền tạm ứng trước theo thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp tiền tạm ứng trước để giải phóng mặt bằng, tái định cư bằng hoặc lớn hơn tiền ký quỹ thì nhà đầu tư được hoãn thực hiện nghĩa vụ ký quỹ.

4. Trường hợp giảm vốn đầu tư hoặc điều chỉnh dự án làm thay đổi các điều kiện ký quỹ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư thỏa thuận điều chỉnh việc ký quỹ theo quy định.

Điều 20. Giảm, hoàn trả tiền ký quỹ

1. Nhà đầu tư được giảm tiền ký quỹ theo quy định hiện hành.

2. Nhà đầu tư được hoàn tiền ký quỹ theo nguyên tắc sau:

a) Hoàn trả 50% số tiền ký quỹ tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp các giấy phép, chấp thuận khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động xây dựng (nếu có) không chậm hơn tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

b) Hoàn trả số tiền ký quỹ còn lại và tiền lãi phát sinh từ khoản ký quỹ (nếu có) tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị để dự án đầu tư hoạt động không chậm hơn tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

c) Trường hợp giảm vốn đầu tư của dự án, nhà đầu tư được hoàn trả số tiền ký quỹ tương ứng với số vốn đầu tư giảm theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) hoặc văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

d) Trường hợp dự án đầu tư không thể tiếp tục thực hiện vì lý do bất khả kháng hoặc do lỗi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nhà đầu tư được xem xét hoàn trả khoản tiền ký quỹ theo thỏa thuận với Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Hồ sơ hoàn trả tiền ký quỹ:

a) Văn bản đề nghị hoàn trả tiền ký quỹ theo Mẫu VI (bản chính) kèm theo quy chế này;

b) Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm đề nghị hoàn trả số tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh theo Mẫu VII (bản chính) kèm theo quy chế này;

c) Các hồ sơ, chứng từ khối lượng công việc đã hoàn thành (bản sao).

4. Thời gian hoàn trả tiền ký quỹ:

Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện hoàn trả tiền ký quỹ và tiền lãi tương ứng của số tiền ký quỹ (nếu có) cho nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều này trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư.

5. Thu hồi, quản lý và sử dụng tiền ký quỹ không hoàn trả cho nhà đầu tư.

a) Tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh không hoàn trả nhà đầu tư và nộp vào ngân sách nhà nước trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thu hồi tiền ký quỹ và tiền lãi tương ứng nộp vào ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư thỏa thuận ký quỹ.

c) Việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ không hoàn trả cho nhà đầu tư được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý ngân sách Nhà nước.

Mục 5

Thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

Điều 21. Thẩm quyền giải quyết thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

Thẩm quyền giải quyết thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của dự án là Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 22. Điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư

1. Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa diện tích dưới 10 ha, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng dưới 20 ha mà chuyển sang mục đích khác thì phải thuộc danh mục dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; từ 10 ha đất trồng lúa, 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ”.

Trường hợp có quy định khác về thẩm quyền thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chủ đầu tư phải nộp một khoản tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất hoặc làm tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo quy định pháp luật.

3. Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện trên địa bàn xã, phường, thị trấn biên giới thì phải có văn bản chấp thuận của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao.

4. Đối với dự án sản xuất kinh doanh không sử dụng ngân sách nhà nước, dự án xây dựng khu dân cư, khu đô thị mới thì nhà đầu tư phải đáp ứng điều kiện sau:

a) Có vốn để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 ha; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 ha trở lên.

b) Ký quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư.

c) Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác.

Việc xác định người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà

nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác xác định theo các căn cứ sau đây:

- Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về đất đai đối với các dự án tại địa phương được lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Nội dung công bố về tình trạng vi phạm pháp luật đất đai và kết quả xử lý vi phạm pháp luật đất đai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Quản lý đất đai đối với các dự án thuộc địa phương khác.

5. Việc giao đất, cho thuê đất chỉ được thực hiện sau khi đã hoàn tất công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; không có tranh chấp về ranh giới và quyền sử dụng đất.

6. Đối với dự án của tổ chức kinh tế được cơ quan có thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư hoặc được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì phải tạo quỹ đất trên 70% diện tích của dự án thì mới được giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án và đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Kết nối hạ tầng đồng bộ với các khu vực xung quanh.
- b) Đảm bảo cơ cấu diện tích đất công trình công cộng theo tỷ lệ quy định trong khu vực dự án.
- c) Đảm bảo đầu tư hạ tầng kỹ thuật một cách đồng bộ trong khu vực dự án.

7. Đối với Doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa thì trong Phương án cổ phần hóa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và xác định cụ thể khu đất được tiếp tục sử dụng theo hình thức giao đất hoặc cho thuê đất. Đối với các khu đất sử dụng không đúng mục đích, không có nhu cầu tiếp tục sử dụng theo phương án cổ phần hóa, đất sử dụng vào mục đích đất ở của cán bộ, nhân viên của doanh nghiệp thì phải bàn giao cho Nhà nước quản lý theo quy định.

Điều 23. Thủ tục giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất

1. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

2. Trình tự thực hiện:

- a) Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.

- b) Cán bộ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý, sự đầy đủ của hồ sơ, viết biên nhận hồ sơ và chuyển cho Văn phòng Đăng ký đất đai (01 ngày làm việc).

- c) Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện nghiệp vụ về lập bản đồ địa chính khu đất, xác định diện tích, loại đất, vị trí (03 ngày làm việc).

- d) Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra hồ sơ, trình UBND tỉnh ban hành quyết định giao đất hoặc cho thuê đất (05 ngày làm việc).

đ) Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định giao đất hoặc cho thuê đất (03 ngày làm việc).

e) Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện nghiệp vụ chuyên môn về chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính; in Giấy chứng nhận (nếu thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận); chuyển cơ quan tài chính và cơ quan thuế để xác định số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp và được giảm trừ theo quy định (01 ngày làm việc).

g) Cơ quan tài chính, cơ quan thuế xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp, được giảm trừ (nếu có) và trả kết quả cho Bộ phận “Một cửa liên thông” (05 ngày làm việc).

h) Bộ phận “Một cửa liên thông” thông tin cho người có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính nhận thông báo thuế (nhận trực tiếp tại trụ sở hoặc nhận qua đường bưu điện theo yêu cầu), người có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính đi thực hiện nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ cho Bộ phận “Một cửa liên thông”.

i) Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, ký Giấy chứng nhận (03 ngày làm việc).

k) Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện nghiệp vụ chuyên môn về lưu trữ hồ sơ địa chính và chuyển kết quả cho Bộ phận “Một cửa liên thông” (01 ngày làm việc).

l) Bộ phận “Một cửa liên thông” thông báo cho người có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính đến nhận kết quả; kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính; thu phí, lệ phí theo quy định và trao kết quả giải quyết hồ sơ (01 ngày làm việc).

3. Xử lý khác:

a) Trường hợp phải trích đo khu đất thì Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện công tác trích đo theo quy định (thời gian trả kết quả theo quy định tại Khoản 2 Điều này tăng thêm 05 ngày làm việc).

b) Trường hợp phải thuê đất thì Sở Tài nguyên và Môi trường và chủ đầu tư cùng tiến hành ký kết hợp đồng (thời gian trả kết quả theo quy định tại Khoản 2 Điều này tăng thêm 03 ngày làm việc).

c) Trường hợp cơ quan nhà nước phải thuê tư vấn xác định giá đất đối với các khu đất có giá trị trên 20 tỷ đồng thì thời gian trả kết quả theo quy định tại Khoản 2 Điều này tăng thêm 15 ngày làm việc (có thông tin cho doanh nghiệp biết).

Điều 24. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức

1. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

2. Trình tự thực hiện

a) Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.

b) Cán bộ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý, sự đầy đủ của hồ sơ, viết biên nhận hồ sơ và chuyển cho Văn phòng Đăng ký đất đai (01 ngày làm việc).

c) Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện nghiệp vụ về lập bản đồ địa chính khu đất, xác định diện tích, loại đất, vị trí (03 ngày làm việc).

d) Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra hồ sơ, trình UBND tỉnh ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (05 ngày làm việc).

đ) UBND tỉnh ký quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (03 ngày làm việc).

e) Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện nghiệp vụ chuyên môn về chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính; in Giấy chứng nhận (nếu thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận), chuyển cơ quan tài chính và cơ quan thuế để xác định số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp và được giảm trừ theo quy định (01 ngày làm việc).

g) Cơ quan tài chính, cơ quan thuế xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp và được giảm trừ và chuyển kết quả cho “Bộ phận một cửa liên thông” (05 ngày làm việc).

h) “Bộ phận một cửa liên thông” thông tin cho người có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính nhận thông báo thuế (nhận trực tiếp tại trụ sở hoặc nhận qua đường bưu điện theo yêu cầu), người có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính đi thực hiện nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ cho “Bộ phận một cửa liên thông”.

i) Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, ký Giấy chứng nhận (03 ngày làm việc).

k) Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện nghiệp vụ chuyên môn về lưu trữ hồ sơ địa chính và chuyển kết quả cho “Bộ phận một cửa liên thông” (01 ngày làm việc).

l) “Bộ phận một cửa liên thông” thông báo cho người có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính đến nhận kết quả; kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính; thu phí, lệ phí theo quy định và trao kết quả giải quyết hồ sơ (01 ngày làm việc).

3. Xử lý khác

a) Trường hợp phải trích đo khu đất thì Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện công tác trích đo theo quy định (thời gian trả kết quả theo quy định tại Khoản 2 Điều này tăng thêm 05 ngày làm việc).

b) Trường hợp trong phạm vi dự án có một phần diện tích đất công do Nhà nước quản lý thì phải được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương giao đất, thuê đất trên cơ sở đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Đối với đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi dự án nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận để chuyển quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản xác định diện tích, loại đất, đối tượng và tình trạng không có tranh chấp đất đai, đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận, sau khi UBND cấp xã xác minh nguồn gốc đất và công khai **15** ngày tại trụ sở. Trên cơ sở đó, chủ đầu tư tiến hành lập văn bản thỏa thuận nhận chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Phần diện tích này sẽ được UBND tỉnh thu hồi và giao đất hoặc cho chủ đầu tư thuê đất theo quy định.

Mục 6

Thủ tục về môi trường liên quan đến dự án đầu tư

Điều 25. Thẩm quyền phê duyệt và xác nhận thủ tục môi trường dự án

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: thẩm định, phê duyệt và xác nhận đối với dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và các dự án thuộc đối tượng đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền theo quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện nói thực hiện dự án: Xác nhận đối với dự án thuộc đối tượng đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường trừ các dự án thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Trường hợp có sự thay đổi theo thẩm quyền giải quyết quy định tại Khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Thủ tục thẩm định và phê duyệt báo cáo tác động môi trường

1. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

2. Trình tự thực hiện:

a) Trình tự thực hiện thẩm định:

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận “Một cửa liên thông”. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý, sự đầy đủ của hồ sơ, viết biên nhận hồ sơ.

- Bộ phận “Một cửa liên thông” chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) trong vòng **01** ngày làm việc.

- Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét hồ sơ, tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định thành lập hội đồng, tổ chức phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày có kết quả của hội đồng thẩm định, có văn bản thông báo cho Nhà đầu tư biết về kết quả đánh giá của hội đồng thẩm định và những yêu cầu liên quan đến việc hoàn chỉnh hồ sơ.

b) Trình tự thực hiện phê duyệt:

- Nhà đầu tư hoàn thiện báo cáo, ký vào phía dưới của từng trang báo cáo, nhân bản và đóng thành quyển giấy cứng gửi cơ quan tổ chức việc thẩm định kèm theo văn bản giải trình cụ thể về việc hoàn chỉnh này để được xem xét, phê duyệt.

Hồ sơ được gửi tại Bộ phận “Một cửa liên thông”. Trong vòng **01 ngày** làm việc, Bộ phận “Một cửa liên thông” chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường).

- Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) xem xét hồ sơ, tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định phê duyệt báo cáo.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp quyết định, Chi cục Bảo vệ môi trường trả lời bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và chuyển hồ sơ cho Bộ phận “Một cửa liên thông” thông báo cho chủ dự án, Chủ dự án tiếp tục hoàn thiện báo cáo để được xem xét, phê duyệt. Hồ sơ được gửi tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp quyết định phê duyệt xem xét hồ sơ, tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định phê duyệt báo cáo và chuyển hồ sơ phê duyệt cho Bộ phận “Một cửa liên thông”.

- Nhà đầu tư đến nộp biên nhận hồ sơ tại Bộ phận “Một cửa liên thông” để nhận kết quả.

3. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thời gian giải quyết:

- Thời gian thẩm định: **20 ngày** làm việc.

- Thời gian phê duyệt: **10 ngày** làm việc.

Điều 27. Thủ tục xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận

1. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

2. Trình tự thực hiện:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận “Một cửa liên thông”. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý, sự đầy đủ của hồ sơ, viết biên nhận hồ sơ.

b) Bộ phận “Một cửa liên thông” chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) trong vòng **01 ngày** làm việc.

c) Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét hồ sơ, tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, trong thời gian **09 ngày** làm việc.

Trường hợp chưa xác nhận tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, trường hợp này Nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường và nộp lại hồ sơ tại Bộ phận “Một cửa liên thông” và được xem xét theo Điểm c Khoản này.

d) Nhà đầu tư đem biên nhận hồ sơ đến “Một cửa liên thông” để nhận kết quả.

3. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thời gian giải quyết: Tối đa là **10 ngày** làm việc.

Điều 28. Thủ tục xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

2. Trình tự thực hiện:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận “Một cửa liên thông”. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý, sự đầy đủ của hồ sơ, viết biên nhận hồ sơ.

b) Bộ phận “Một cửa liên thông” chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện nơi đăng ký dự án trong vòng **01 ngày** làm việc.

c) Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận xem xét trình Ủy ban nhân dân ký giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường.

Trường hợp chưa đạt yêu cầu để xác nhận phải có văn bản thông báo cho nhà đầu tư biết để hoàn chỉnh hồ sơ thì thực hiện theo Điểm d Khoản 2 Điều này.

d) Nhà đầu tư tiến hành việc hoàn chỉnh bản cam kết bảo vệ môi trường. Hồ sơ sau khi chỉnh sửa bổ sung nộp tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.

đ) Bộ phận “Một cửa liên thông” chuyển hồ sơ đến phòng Tài nguyên và Môi trường.

e) Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu xác nhận phải có văn bản đề nghị nhà đầu tư tiếp tục chỉnh sửa bổ sung thực hiện lại theo Điểm c Khoản 2 Điều này.

g) Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận kèm theo Giấy xác nhận đến Bộ phận “Một cửa liên thông”.

h) Nhà đầu tư đem biên nhận hồ sơ đến Bộ phận “Một cửa liên thông” để nhận kết quả.

3. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thời gian giải quyết: Tối đa là **10 ngày** làm việc.

Mục 7

Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy, cấp phép xây dựng công trình dự án và thủ tục đấu nối hệ thống cấp nước, thoát nước, tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp

Điều 29. Thủ tục thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy

1. Các thủ tục thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy (sau đây viết tắt là PCCC) bao gồm:

a) Đối với dự án một bước (thẩm duyệt về PCCC hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công).

b) Đối với dự án hai bước trở lên.

- Thẩm duyệt về PCCC hồ sơ thiết kế cơ sở.

- Thẩm duyệt về PCCC hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công.

c) Thẩm duyệt về PCCC đối với hồ sơ dự án thiết kế, quy hoạch.

2. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

3. Đối với các công trình có nguy hiểm cháy, nổ theo quy định của pháp luật hiện hành phải có văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trước khi tiến hành thiết kế công trình.

4. Trình tự thực hiện:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận “Một cửa liên thông” theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Bộ phận “Một cửa liên thông” chuyển hồ sơ đến Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (thuộc Công an tỉnh) trong vòng **01** ngày làm việc.

c) Thời gian thực hiện:

- Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: Không quá **15** ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm A; không quá **10** ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm B, C (phân nhóm dự án, công trình các nhóm A, B, C được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

- Chấp thuận địa điểm xây dựng công trình: không quá **05** ngày làm việc.

d) Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh An Giang xem xét, thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy của dự án và chuyển kết quả về Bộ phận “Một cửa liên thông” để trả cho nhà đầu tư.

4. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 30. Thủ tục cấp phép xây dựng công trình dự án

1. Thẩm quyền cấp phép:

a) Sở Xây dựng:

- Các công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Công trình thuộc dự án mà theo quy định phải xin phép xây dựng và các công trình khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

- Công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trừ các công trình nằm trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tất cả các công trình cấp III trở xuống.

2. Trường hợp có sự thay đổi thẩm quyền cấp phép theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

4. Trình tự thực hiện:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp mới hoặc điều chỉnh, gia hạn và cấp lại Giấy phép xây dựng công trình tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.

b) Trong thời hạn **01** ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ phận “Một cửa liên thông” chuyển hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng công trình dự án đến phòng Quy hoạch - Kiến trúc thuộc Sở Xây dựng hoặc Phòng Kinh tế Hạ tầng/Phòng quản lý Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

c) Phòng Quy hoạch - Kiến trúc thuộc Sở Xây dựng hoặc Phòng Kinh tế Hạ tầng/Phòng quản lý Đô thị tổ chức khảo sát, soạn giấy phép xây dựng trình lãnh đạo Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký duyệt.

d) Phòng Quy hoạch-Kiến trúc thuộc Sở Xây dựng hoặc Phòng Kinh tế Hạ tầng/Phòng quản lý Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển kết quả cho Bộ phận “Một cửa liên thông”

đ) Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.

5. Thời gian giải quyết:

a) Trường hợp cấp mới Giấy phép xây dựng công trình:

- Sở Xây dựng: trong thời hạn **15** ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: trong thời hạn **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

b) Trường hợp điều chỉnh, gia hạn và cấp lại Giấy phép xây dựng công trình: Quy trình và thẩm quyền giải quyết thủ tục gia hạn, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép xây dựng công trình được thực hiện như cấp mới Giấy phép xây dựng công trình.

Thời hạn thẩm định gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh không quá **05** ngày làm việc.

6. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 31. Thủ tục đấu nối hệ thống cấp nước

1. Thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần Điện nước An Giang.
2. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.
3. Trình tự thực hiện:
 - a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.
 - b) Trong thời hạn **01 ngày** làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ phận “Một cửa liên thông” chuyển hồ sơ hợp lệ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Xí nghiệp cấp nước thuộc Công ty Cổ phần Điện nước An Giang.
 - c) Trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Xí nghiệp cấp nước thuộc Công ty Cổ phần Điện nước An Giang phải cử cán bộ đi khảo sát thực tế vị trí và lắp đặt hệ thống cung cấp nước sạch cho nhà đầu tư theo quy định.

4. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 32. Thủ tục đấu nối hệ thống thoát nước

1. Thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
2. Các thủ tục đấu nối hệ thống thoát nước bao gồm:
 - a) Đấu nối hệ thống thoát nước mưa.
 - b) Đấu nối hệ thống thoát nước thải.
2. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.
3. Trình tự thực hiện:
 - a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị xác định vị trí và cấp giấy phép đấu nối hệ thống thoát nước tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.
 - b) Trong thời hạn **01 ngày** làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ phận “Một cửa liên thông” chuyển hồ sơ đề nghị xác định vị trí và cấp giấy phép đấu nối hệ thống thoát nước đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện (UBND huyện, thị xã, thành phố).
 - c) Trong thời hạn **01 ngày** làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển hồ sơ đề nghị xác định vị trí và cấp giấy phép đấu nối hệ thống thoát nước đến phòng Kinh tế hạ tầng (Quản lý đô thị) xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.
 - d) Trong thời hạn **1/2 ngày** làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ phòng Kinh tế hạ tầng (Quản lý đô thị) soạn văn bản lấy ý kiến:
 - Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (sau đây viết tắt là TNHH MTV) Môi trường Đô thị An Giang - Xí nghiệp môi trường đô thị cấp huyện đối với đấu nối hệ thống thoát nước mưa.
 - Xí nghiệp điện nước thuộc Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang đối với đấu nối hệ thống thoát nước thải.

Trong thời hạn **05 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của phòng Kinh tế hạ tầng (Quản lý đô thị), Chi nhánh Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang - Xí nghiệp môi trường đô thị cấp huyện hoặc Xí nghiệp điện nước thuộc Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho cơ quan cấp phép xây dựng với các nội dung như: sự phù hợp về vị trí đầu nối, phương án đầu nối, các nội dung khác liên quan đến quản lý ngành.

đ) Trong thời hạn **05 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phòng Kinh tế hạ tầng (Quản lý đô thị) tổ chức khảo sát, kiểm tra thực địa. Đồng thời, xem xét nội dung ý kiến của Chi nhánh Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang - Xí nghiệp môi trường đô thị cấp huyện hoặc Xí nghiệp điện nước thuộc Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang. Nếu phù hợp thì phòng Kinh tế hạ tầng soạn giấy phép đầu nối trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký duyệt; nếu không phù hợp thì phòng Kinh tế hạ tầng phát hành văn bản hướng dẫn một lần cho chủ đầu tư thực hiện đúng theo quy định.

e) Phòng Kinh tế hạ tầng (Quản lý đô thị) chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển kết quả cho Bộ phận “Một cửa liên thông”.

h) Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.

4. Thời gian giải quyết: **10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

5. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 33. Thủ tục tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp

Thực hiện theo quy trình thủ tục tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh An Giang được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Mục 8

Thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất

Điều 34. Thẩm quyền giải quyết thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất

Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét giải quyết thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất. Các điều kiện thực hiện khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 35. Thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất

1. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

2. Trình tự thực hiện:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.

b) Bộ phận “Một cửa liên thông” tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý, sự đầy đủ của hồ sơ, viết biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (01 ngày làm việc).

c) Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện nghiệp vụ chuyên môn về lập bản đồ địa chính khu đất, tài sản gắn liền với đất, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính, in Giấy chứng nhận, chuyển cơ quan thuế (07 ngày làm việc).

d) Cơ quan thuế xác định nghĩa vụ thuế và trả kết quả cho Bộ phận “Một cửa liên thông” (05 ngày làm việc).

đ) Bộ phận “Một cửa liên thông” thông tin cho Nhà đầu tư đến nhận thông báo thuế (hoặc chuyển qua hệ thống bưu chính theo yêu cầu), Nhà đầu tư đi thực hiện nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ cho Bộ phận “Một cửa liên thông”.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, ký Giấy chứng nhận (05 ngày làm việc).

g) Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện nghiệp vụ chuyên môn về lưu trữ hồ sơ địa chính và chuyển kết quả cho Bộ phận “Một cửa liên thông” (01 ngày làm việc).

h) Bộ phận “Một cửa liên thông” thông báo cho chủ đầu tư đến nhận kết quả; kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính; thu phí, lệ phí theo quy định và trao kết quả giải quyết hồ sơ (01 ngày làm việc).

3. Thời gian giải quyết: **20 ngày** làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

4. Xử lý khác:

a) Trường hợp tài sản xây dựng không đúng với giấy phép đã cấp thì Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản đề nghị cơ quan đã cấp phép kiểm tra, xử lý theo quy định pháp luật về xây dựng, nhà ở.

Cơ quan đã cấp phép có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, xử lý và thông tin kết quả xử lý về Sở Tài nguyên và Môi trường (có nêu rõ tài sản đó được tồn tại hay không được tồn tại, sự phù hợp so với quy hoạch) trong thời hạn **10 ngày** làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp mà Giấy chứng nhận đang đăng ký thế chấp tại các tổ chức tín dụng nếu người sử dụng đất có nhu cầu chứng nhận bổ sung trên Giấy chứng nhận đã cấp thì không cần phải xóa đăng ký thế chấp. Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm chỉnh lý bổ sung tài sản trên Giấy chứng nhận, trình Sở Tài nguyên và Môi trường chứng nhận bổ sung thông tin tài sản vào Giấy chứng nhận đã cấp.

5. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 36. Quyền của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chỉ liên hệ với Bộ phận “Một cửa liên thông” để nộp hồ sơ mà không phải liên hệ với các cơ quan khác để được giải quyết trong thời gian quy định.

2. Nhà đầu tư có thể thực hiện đồng thời một hoặc một số thủ tục hành chính sau thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo hướng dẫn tại Điều 6 Quy chế này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, tính chính xác của nội dung hồ sơ, dự án do mình lập và nộp tại Bộ phận “Một cửa liên thông”.

3. Nhà đầu tư được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng cung cấp các thông tin về quy hoạch, về ưu đãi đầu tư, cơ chế chính sách; được hưởng các chế độ chính sách, ưu đãi theo đúng quy định của nhà nước. Trong quá trình thực hiện dự án, Nhà đầu tư được quyền đề nghị các cơ quan chức năng phối hợp xử lý các vấn đề khó khăn vướng mắc.

Điều 37. Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Nghĩa vụ của nhà đầu tư:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư và Quy chế này; thực hiện hoạt động đầu tư theo đúng nội dung văn bản đăng ký đầu tư, nội dung Giấy chứng nhận đầu tư và quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng.

b) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán và thống kê.

d) Thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm, lao động; tôn trọng danh dự, nhân phẩm và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

đ) Tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập, tham gia tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện quy định của pháp luật về môi trường.

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của nhà đầu tư:

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản đăng ký đầu tư, hồ sơ dự án đầu tư và tính hợp pháp của các văn bản trong hồ sơ dự án đầu tư.

b) Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định của pháp luật, đúng theo tiến độ đăng ký. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hàng tháng Nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo.

c) Đối với các dự án đã đi vào hoạt động, hàng tháng Nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động định kỳ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo.

d) Cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Nhà đầu tư gửi báo cáo bằng văn bản và trực tuyến trên Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 38. Trách nhiệm của cơ quan thực hiện liên thông các thủ tục hành chính

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tiếp nhận, xử lý và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư đúng thời gian quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp Ban Hỗ trợ Doanh nghiệp theo dõi, nắm bắt tình hình tiếp nhận, giải quyết, trả hồ sơ tại Bộ phận “Một cửa liên thông”; phối hợp với thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc xảy ra, đặc biệt đối với những hồ sơ liên quan đến nhiều cơ quan xem xét giải quyết.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các thủ tục đầu tư, tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tính hợp lệ, đảm bảo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

b) Phối hợp các Sở, ngành, địa phương liên quan rà soát thống nhất các quy trình thủ tục, thời gian giải quyết theo quy định này theo hướng đơn giản, kết hợp thực hiện đồng thời các quy trình; công khai quy trình giải quyết, thủ tục, biểu mẫu hồ sơ từng quy trình tại Bộ phận “Một cửa liên thông” để nhà đầu tư biết thực hiện.

c) Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện quy định này, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện và những vấn đề phát sinh cần xử lý, sửa đổi, bổ sung.

d) Thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với các dự án đã lấy ý kiến của các sở, ngành, địa phương liên quan.

đ) Thay mặt các cơ quan chức năng phối hợp trong thực thi thủ tục hành chính xin lỗi cá nhân, tổ chức về việc giải quyết thủ tục hành chính trễ hạn so với phiếu hẹn trả kết quả hồ sơ; nêu rõ lý do trễ hạn; xác định rõ trách nhiệm của cơ

quan phối hợp xử lý làm chậm trễ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đối với từng hồ sơ cụ thể. Đồng thời, thông báo thời hạn trả kết quả lần sau cho tổ chức, cá nhân.

e) Thông tin kịp thời cho người yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính về việc từ chối giải quyết thủ tục hành chính do không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả giải quyết các hồ sơ thủ tục hành chính.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng Bộ thủ tục hành chính về trình tự thực hiện đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thẩm định trích lục, trích đo địa chính theo đề nghị của Bộ phận “Một cửa liên thông” và nhà đầu tư.

b) Xác định giá đất cụ thể báo cáo Hội đồng thẩm định giá (Sở Tài chính) trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

c) Xem xét và giải quyết các thủ tục hành chính đúng thời gian quy định tại Quy chế này.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền.

3. Sở Xây dựng:

a) Cung cấp thông tin quy hoạch khu vực thực hiện dự án khi có yêu cầu của nhà đầu tư.

b) Xem xét và giải quyết các thủ tục hành chính đúng thời gian quy định tại Quy chế này.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền.

4. Cục Thuế tỉnh:

a) Xác định đơn giá thuê đất cho dự án theo quy định.

b) Xác định kết quả thực hiện nghĩa vụ tài chính (các loại thuế, lệ phí (nếu có) bao gồm: Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; lệ phí trước bạ nhà, đất; thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản) của bên chuyển nhượng bất động sản.

c) Xem xét và giải quyết các thủ tục hành chính đúng thời gian quy định tại Quy chế này.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền.

5. Công An tỉnh: Chỉ đạo giải quyết thủ tục thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy cho nhà đầu tư đúng thời gian quy định tại Quy chế này..

6. Sở Tài chính:

a) Xác định các khoản trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của nhà đầu tư.

b) Tổ chức thẩm định giá đất cụ thể, xác định đơn giá thuê mặt nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

c) Xem xét và giải quyết các thủ tục hành chính đúng thời gian quy định tại Quy chế này.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tiến hành lập quy hoạch chi tiết các khu vực dự kiến mời gọi đầu tư để thỏa thuận với Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện bàn giao mốc ranh khu đất trên thực địa để nhà đầu tư triển khai dự án.

c) Chỉ đạo bộ phận chuyên môn giải quyết các thủ tục về môi trường, cấp giấy phép xây dựng công trình, giấy phép đấu nối hệ thống thoát nước cho nhà đầu tư theo quy định.

d) Xem xét và giải quyết các thủ tục hành chính đúng thời gian quy định tại Quy chế này.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền.

8. Công ty cổ phần điện nước An Giang: Giải quyết thủ tục đấu nối hệ thống cấp thoát nước đúng thời gian quy định tại Quy chế này.

9. Công ty Điện lực An Giang: Giải quyết thủ tục tiếp cận điện đối với điện trung áp đúng thời gian quy định tại Quy chế này.

10. Trách nhiệm chung của các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Công ty cổ phần Điện nước và Công ty Điện lực An Giang:

a) Trên cơ sở quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan rà soát các quy định về trình tự, thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm giải quyết của ngành, địa phương, đơn vị, báo cáo cơ quan có thẩm quyền, điều chỉnh phù hợp; chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống biểu mẫu thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư theo quy định tại Quyết định này và các quy định liên quan khác, công bố công khai trên cổng thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các sở, ban, ngành, địa phương để các nhà đầu tư được biết.

b) Theo chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức công bố, công khai các quy hoạch, cơ chế chính sách, ưu đãi đầu tư, các chương trình, dự án kêu gọi, khuyến khích đầu tư; cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, hướng dẫn cụ thể, kịp thời xử lý các vướng mắc và giải quyết nhanh gọn các thủ tục liên quan cho nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu, triển khai thực hiện dự án.

c) Khi nhận được văn bản đề nghị phối hợp thẩm định của cơ quan đầu mối, các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị phải kịp thời tổ chức thẩm định, có ý kiến bằng văn bản thẩm định về các nội dung theo lĩnh vực phụ trách, đảm bảo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định của mình (nội dung văn bản thẩm định phải cụ thể, rõ ràng, đúng trọng tâm theo phạm vi quản lý của ngành, địa phương, đơn vị và phải có ý kiến đề xuất phương án cụ thể,

các yêu cầu, điều kiện để thực hiện dự án); sau thời hạn quy định, nếu cơ quan được xin ý kiến thẩm định không có văn bản gửi cơ quan đầu mối thì được xem là thống nhất với nội dung dự án do cơ quan đầu mối chủ trì thẩm định gửi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực quản lý nhà nước của mình.

d) Thường xuyên theo dõi, giám sát, nắm bắt tình hình triển khai thực hiện các dự án, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư để đẩy nhanh tiến độ; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý nếu nhà đầu tư vi phạm trong việc triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật; định kỳ hàng tháng gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính và trong phối hợp trong giải quyết hồ sơ thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 39. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc Quy chế này và có sáng kiến tham mưu để Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt hơn nhằm tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính về đầu tư, được khen thưởng theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi thực hiện không đúng Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này; kiến nghị hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng, xử lý vi phạm đối với cá nhân và tổ chức theo Điều 38 Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn vướng mắc các Sở, ban ngành và địa phương phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vương Bình Thạnh

Mẫu I
Văn bản ý kiến thẩm định
chủ trương đầu tư của Sở Xây dựng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / -
V/v ý kiến thẩm định dự án đầu
tư

An Giang, ngày tháng năm 201..

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở có nhận được Văn bản số của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định dự án tại ... của nhà đầu tư.....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất ... , các quy hoạch và các quy định của pháp luật, sở Xây dựng báo cáo như sau:

1. Về sự phù hợp với quy hoạch xây dựng:..... (nêu rõ dự án phù hợp hay không phù hợp với các quy hoạch xây dựng trên địa bàn).
2. Sự phù hợp về quy mô diện tích đất dự kiến thực hiện dự án của nhà đầu tư (nêu rõ cơ sở của sự phù hợp hay không phù hợp về quy mô diện tích).
3. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư, hiệu quả dự án.
4. Kiến nghị, đề xuất:
 - Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư (trong đó nêu rõ lý do của kiến nghị, đề xuất).
 - Kiến nghị UBND tỉnh về các đề xuất của nhà đầu tư thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của ngành;
 - Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.
5. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư trong việc lập quy hoạch và triển khai thực hiện dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu II
Văn bản ý kiến thẩm định
chủ trương đầu tư của Sở Tài nguyên và Môi trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2016/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / -
V/v ý kiến thẩm định dự án đầu tư An Giang, ngày tháng năm 201..

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở có nhận được Văn bản số của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định dự án tại ... của nhà đầu tư.....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất , các quy hoạch và các quy định của pháp luật, sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo như sau:

1. Về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nhu cầu sử dụng đất (bao gồm sự phù hợp về quy mô diện tích đất dự kiến thực hiện dự án của nhà đầu tư); điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất (đối với các dự án thuộc trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất).
2. Đánh giá sự cần thiết đầu tư, hiệu quả của dự án.
3. Kiến nghị, đề xuất:
 - Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư (trong đó nêu rõ lý do của kiến nghị, đề xuất);
 - Kiến nghị UBND tỉnh về các đề xuất của nhà đầu tư;
 - Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.
4. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư trong việc sử dụng đất và triển khai thực hiện dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu III

**Văn bản ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư của các sở, ngành
(trừ Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2016/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / -

V/v ý kiến thẩm định dự án đầu
tư

An Giang, ngày tháng năm 201..

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở có nhận được Văn bản số..... của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định dự án tại.....của nhà đầu tư....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất, các quy hoạch và các quy định của pháp luật, sở... báo cáo như sau:

1. Về sự phù hợp với quy hoạch ngành:..... *(nêu rõ dự án phù hợp hay không phù hợp với quy hoạch ngành thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan thẩm định).*

2. Sự phù hợp nội dung dự án với các quy chuẩn, tiêu chuẩn, điều kiện của ngành *(nếu có)*;

3. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư, hiệu quả dự án.

4. Kiến nghị, đề xuất:

- Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư *(trong đó nêu rõ lý do của kiến nghị, đề xuất)*;

- Kiến nghị UBND tỉnh về các đề xuất của nhà đầu tư;

- Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.

5. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư và dự án đầu tư *(trường hợp dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì phải nêu rõ điều kiện, yêu cầu nhà đầu tư, dự án đầu tư phải đáp ứng, thời điểm thực hiện các điều kiện, cơ quan thẩm định cấp giấy phép điều kiện...)*.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
THẨM ĐỊNH**

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu IV
Văn bản ý kiến thẩm định
chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2016/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / -

V/v ý kiến thẩm định dự án đầu
tư

An Giang, ngày tháng năm 201..

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân..... có nhận được Văn bản số của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến thẩm định dự án tại của nhà đầu tư.....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất , các quy hoạch và các quy định của pháp luật, UBND..... báo cáo như sau:

1. Báo cáo về hiện trạng sử dụng đất: *trong đó phải báo cáo rõ nguồn gốc đất đai, hiện trạng đang được sử dụng (nêu rõ diện tích khu đất, đối tượng sử dụng đất, các công trình, vật kiến trúc, tài sản trên đất...), dấu nổi hạ tầng..;*

2. Báo cáo dự kiến phương án bồi thường GPMB, tái định cư khi thu hồi đất thực hiện dự án:....*(trường hợp phải bố trí tái định cư thì phải nêu rõ nhu cầu, địa điểm tái định cư)...*

3. Sự phù hợp của dự án với các quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương:... *(nêu rõ sự phù hợp của dự án với từng loại quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương).*

4. Đánh giá sự cần thiết đầu tư, hiệu quả dự án đối với sự phát triển của địa phương;

5. Kiến nghị, đề xuất:

- Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư (trong đó nêu rõ lý do kiến nghị, đề xuất);
- Kiến nghị về các đề xuất của nhà đầu tư;
- Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.

6. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư trong việc lập quy hoạch và triển khai thực hiện dự án.

(kèm theo bản đồ trích lục khu đất thực hiện dự án của UBND cấp huyện)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
THẨM ĐỊNH**

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu V
Văn bản báo cáo kết quả thẩm định của cơ quan đầu mối
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2016/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-SKHĐT

An Giang, ngày tháng năm 201..

BÁO CÁO
THẨM ĐỊNH ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
Dự án.....

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số /2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND ban hành Quy định về trình tự, thủ tục đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày của ... về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đầu mối...

Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do nộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có);

Căn cứ ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành, địa phương tại các văn bản.....

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định chủ trương đầu tư dự án với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về Nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Phải ghi rõ họ tên; ngày tháng năm sinh; số chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ thường trú, chỗ ở hiện tại; số điện thoại liên lạc; địa chỉ email).

2. Đối với nhà đầu tư là tổ chức: Ghi rõ tên tổ chức; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, cơ quan cấp; địa chỉ trụ sở chính, điện thoại liên lạc, địa chỉ email; họ và tên người đại diện theo pháp luật, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ thường trú, chỗ ở hiện tại, số điện thoại, địa chỉ email; ngành nghề kinh doanh, hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức.

II. Nội dung dự án do nhà đầu tư đề xuất

1. Tên dự án đầu tư:
2. Mục tiêu dự án:
3. Quy mô dự án:
4. Địa điểm thực hiện dự án:
5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha
6. Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

- 6.1. Vốn góp để thực hiện dự án là: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ% tổng vốn đầu tư.

Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

(VD: Công ty TNHH A góp 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, tương đương 48.000 (bốn mươi tám nghìn) đô la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm 40% vốn góp, trong vòng 3 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

- 6.2. Vốn huy động (ghi rõ giá trị, nguồn vốn): (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

- 6.3. Vốn khác: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

7. Thời hạn hoạt động của dự án: năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Tiến độ xây dựng cơ bản:
- Tiến độ đưa công trình vào hoạt động (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án (trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn).

9. Công nghệ áp dụng (nếu có):

10. Các kiến nghị và cam kết của nhà đầu tư

III. Tổng hợp ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan

Cơ quan đầu mối tổng hợp ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan được xin ý kiến. Trường hợp đến hết thời hạn xin ý kiến cơ quan thẩm định không có ý kiến bằng văn bản thì được coi là đồng ý với các nội dung của dự án và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương mình.

IV. Tổng hợp kết quả thẩm định

Trên cơ sở kết quả thẩm định của các cơ quan liên quan, cơ quan đầu mối thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định gồm các nội dung sau:

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng;
2. Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất);
3. Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);
4. Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);
5. Công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư);
6. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư, hiệu quả dự án.

V. Nhận xét và kiến nghị:

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan và nội dung dự án đề xuất, cơ quan đầu mối thẩm định đưa ra ý kiến đánh giá, nhận xét chung và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư.

Trường hợp đề xuất quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan đầu mối thẩm định dự thảo quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền theo mẫu quy định tại Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Đề nghị hoàn trả tiền ký quỹ

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :

..., ngày..... tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ TIỀN KÝ QUỸ

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang

Căn cứ Văn bản thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số
ngày được ký giữa nhà đầu tư và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

Căn cứ giá trị khối lượng thực tế đã đầu tư cho dự án;

Nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang hoàn trả hoàn trả ...% số tiền đã ký quỹ/bảo lãnh để bảo đảm thực hiện dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm

Nhà đầu tư đề nghị <tên Cơ quan thỏa thuận ký quỹ> xem xét giải quyết./.
(đính kèm các hồ sơ, chứng từ khối lượng công việc đã hoàn thành)

Hồ sơ kèm theo:

- **Đính kèm các hồ sơ, chứng từ khối lượng công việc đã hoàn thành;**

- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến ngày;

— • • • •

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có)

Mẫu VII
Báo cáo tình hình thực hiện dự án
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2016/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình thực hiện dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Nêu rõ những công việc, hạng mục công trình, máy móc, thiết bị của dự án đã thực hiện được, thời gian thực hiện hoàn thành các công việc, hạng mục dự án; so sánh thời gian hoàn thành các công việc, hạng mục dự án đạt hay không đạt tiến độ như đã cam kết và quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có)